



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỞNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
Tuần 16: từ ngày 25/11/2024 đến ngày 01/12/2024

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY						
K9-DVTY P.302	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 KTNPTB cho trâu bò (Hung) 3	DD thức ăn CN (Vân) 4	KTNPTB cho trâu bò (Hung) 4	DD thức ăn CN (Vân) 4	DD thức ăn CN (Vân) 4
K10-DVTY P.THCN	Sáng		Vệ sinh thú y (Duyên) 4	DD và thức ăn CN (Vân) 4	Giống vật nuôi (H.Nga) 4	
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Bảo vệ môi trường (Hoà) 3	Dược lý TY (Lệ) 4	Khuyến nông (Thọ) 4	GPSL vật nuôi (Hằng) 4	Giống vật nuôi (H.Nga) 4
K10-KHCT P.304	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Phân bón (Huệ) 3	GDTC (Thúy) 2 Tiếng anh (Linh) (P.101) 2	Tiếng anh (Linh) (P.101) 2 GD Chính trị (Quế) (P.101) 2	Phân bón (Huệ) 4	GD Chính trị (Quế) (P.101) Pháp luật (Huyền) (P.101)
	Chiều					
K9-KTDN K10-KTDN P.303	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Kinh tế vi mô (Thúy) (P.306) 3	Nguyên lý Marketing (Som) 4			
	Chiều			Kinh tế chính trị (Quế) (P.103) 4	Kinh tế chính trị (Quế) (P.103) 4	
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT63A1 P.203	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 3	Cây dược liệu (Binh) 4	Cây rau (Huệ) 4		
	Chiều					
CNTY63A3 P.301	Sáng	KTNPTB cho lợn (Quyên) 4	KTNPTB cho gà vịt (Duyên) 4	KTNPTB cho gà vịt (Duyên) 4	Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên (P.A303)	
	Chiều					
CNTY63A4 P.205	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 3	KTNPTB cho lợn (Hung) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) 4	Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên (P.A303)	
	Chiều					
CNTT63A1 P.TH	Sáng					
	Chiều				Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4

CNTT63A2 P.TH	Sáng					<i>Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên (P.A302)</i>	
	Chiều	Sinh hoạt lớp Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	1 3	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4 3		
TT64A1 P.101	Sáng	Sinh hoạt lớp Sinh lý TV (Huyền)	1 3	GDTC (Thủy) Tiếng anh (Linh)	2 2	Sinh lý TV (Huyền) GD Chính trị (Quế) Pháp luật (Huyền)	4 2 2
	Chiều				Đất trồng - phân bón (Hương)		4
CNTY64A1 P.102	Sáng	Sinh hoạt lớp Giáo dục QP-AN (Mạnh)	1 3	Giáo dục QP-AN (Mạnh)	4	GPSL vật nuôi (Hằng)	4
	Chiều					Giáo dục QP-AN (Mạnh)	4
CNTY64A3 P.202	Sáng	Tiếng anh (Linh)	4	GDTC (Hội) GD Chính trị (Quế)	2 2	Khuyến nông (Hùng)	4
	Chiều					GPSL vật nuôi (Hằng)	4
KTDN64A1 P.103	Sáng	Sinh hoạt lớp GDTC (Hội)	1 3	Kinh tế vi mô (Thủy)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều					GD chính trị (Tài)	4
KTDN64A2 P.306	Sáng	Sinh hoạt lớp Kinh tế vi mô (Thủy)	1 3	Tiếng anh (Linh) Kinh tế chính trị (Tài)	2 2	Tiếng anh (K.Nhung) GD chính trị (Tài)	4 4
	Chiều					GDTC (Hội)	4
CNTT64A1 P.305	Sáng	Sinh hoạt lớp Tiếng anh (K.Nhung)	1 3	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Kỹ năng mềm (Sơn) GD Chính trị (Quế)	2 2
	Chiều						
CNTT64A2 P.A202	Sáng	Sinh hoạt lớp Kỹ năng mềm (Sơn)	1 3	Bảng tính Excel (Thảo)	4	Tiếng anh (Phiên)	4
	Chiều					Cơ sở dữ liệu (Trường)	4
ĐCN63A1 P.A102	Sáng					<i>Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên (P.A301)</i>	
	Chiều	Sinh hoạt lớp KT điện tử (Dương)	1 4	Trang bị điện (Đ.Đức)	4		
ĐCN63A2 P.A103	Sáng					<i>Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên (P.A301)</i>	
	Chiều	Sinh hoạt lớp Trang bị điện (Nga)	1 3	KT điện tử (Giáp)	4		
ĐCN64A1 P.A102	Sáng	Sinh hoạt lớp Vật liệu điện (Nga)	1 3	GD Chính trị (Quế) Pháp luật (Huyền) (P.A202)	2 2	Mạch điện (Huyền)	4
	Chiều					Mạch điện (Huyền)	4

ĐCN64A2 P.A103	Sáng	Sinh hoạt lớp Mạch điện (Huyền)	1 3	Vẽ KT điện (N.Đức)	4	Vẽ KT điện (N.Đức)	4	GDTC (Hội)	4	GD chính trị (Tài) (P.305)	4
	Chiều										
ĐCN64A3 P.A301	Sáng	Sinh hoạt lớp Vẽ KT điện (N.Đức)	1 3	Tin học (Thoa)	4	Mạch điện (A.Đức)	4	Mạch điện (A.Đức) (P.301) Pháp luật (Huyền) (P.301)	2 2	Vật liệu điện (Đ.Đức) (P.A103)	4
	Chiều										
ĐCN 63B	Sáng										
	Chiều	Trang bị điện (Nga)	4	KT điện tử (Dương)	4	Trang bị điện (Nga)	4	KT điện tử (Dương)	4	KT điện tử (Dương)	4
ĐCN64B	Sáng	GD chính trị (Quế)	4	Mạch điện (Huyền)	4	Vật liệu điện (Huân)	4	Vẽ KT điện (N.Đức)	4	An toàn điện (Hoà)	4
	Chiều							Mạch điện (Huyền)	4		
TL63	Sáng										
	Chiều	QLVH kênh và CT trên kênh (Huyền)	4	Duy tu BDCTTL (Hoà)	4	Duy tu BDCTTL (Hoà)	4	Duy tu BDCTTL (Hoà)	4	Duy tu BDCTTL (Hoà)	4
TL64B	Sáng	GD chính trị (Quế)	4	KT An toàn lao động (Hoà)	4	Vật liệu (N.Đức)	4	KT An toàn lao động (Hoà) Bảo vệ môi trường (Hoà)	2 2	Vật liệu (N.Đức)	4
	Chiều							Vật liệu (N.Đức)	4		
KTDN64B	Sáng	GD chính trị (Quế)	4								
	Chiều										
CBBQ63	Sáng										
	Chiều	CB nước mắm (Liên)	4	CB nước mắm (Liên)	4	QT doanh nghiệp (Ánh)	4	KT điện tử (Năm)	4	CB nước mắm (Liên)	4
CBBQ64	Sáng	GD chính trị (Quế)	4	Hoá sinh học TP (Năm) KT lạnh cơ sở (Năm)	2 2	Vi sinh vật TP (Liên)	4	Vi sinh vật TP (Liên)	4	Vi sinh vật TP (Liên)	4
	Chiều							Vi sinh vật TP (Liên)	4		
KTMTT64	Sáng	GD chính trị (Quế)	4	Lý thuyết tàu (Trung)	4	Dung sai và KT đo (Tiến)	4	Dung sai và KT đo (Tiến)	4		
	Chiều							Lý thuyết tàu (Trung)	4		
KTMTT63	Sáng										
	Chiều	Khai thác nổi hơi TT (Bình)	4	Khai thác nổi hơi TT (Bình)	4	Khai thác nổi hơi TT (Bình)	4	Khai thác nổi hơi TT (Bình)	2		
ĐKTB63	Sáng										
	Chiều	Thông hiệu và quy tắc tránh va (Trung)	4	Bảo hiểm hàng hải (Trung)	4	Thủy nghiệp (Tiến)	4	Thủy nghiệp (Tiến)	4	Bảo vệ môi trường (Ánh)	4

NTTS64	Sáng	GD chính trị (Quốc)	4	Thủy sinh vật (Ảnh)	4	Thủy sinh vật (Ảnh)	4	Thủy sinh vật (Ảnh)	4
	Chiều								
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN									
THỨ LỚP		Thứ 6			Thứ 7			Chủ nhật	
TT63A2	Sáng				Sinh hoạt lớp	1	Khí tượng NN (Huyền)	4	
TT64A3					Cây rau (Huệ)	4			
P.101	Chiều				Cây rau (Huệ)	4	Bệnh cây CK (Bình)	4	
TT64A2	Sáng				Sinh hoạt lớp	1	Sinh lý thực vật (Huyền)	4	
					Sinh lý thực vật (Huyền)	4			
	Chiều				Sinh lý thực vật (Huyền)	4	Sinh lý thực vật (Huyền)	4	
CN63A2	Sáng	Ký sinh trùng TY (Lệ)	4	Sinh hoạt lớp	1	KTNPTB cho trâu bò	4		
CN64A2					CD và ĐTH Thú y (Vân)	4	(Hưng)		
P.A303	Chiều	Ký sinh trùng TY (Lệ)	4	CD và ĐTH Thú y (Vân)	4	KTNPTB cho trâu bò (Hưng)	4		

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thị Thoa



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỞNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP

NÔNG NGHIỆP
THANH HOÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

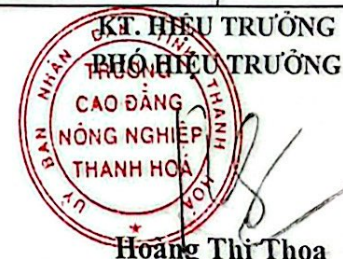
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 16: từ ngày 25/11/2024 đến ngày 01/12/2024

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH62B3 P.201	Sáng	Toán (Nhưng) 4	Toán (Nhưng) 4 (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 4 (Ôn tập)	Lịch sử (Dự) 4 (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 4
	Chiều		Địa lý (Thủy) 2 CĐLC Địa lý (Thủy) 2	Lịch sử (Dự) 2 GDKT và PL (Quyên) 2	GDKT và PL (Quyên) 2 Lịch sử (Dự) 2	
VH62B4	Sáng	HĐTN (Quyên) 1 GDKT và PL (Quyên) 3	Ngữ văn (Hằng) 4 (Ôn tập)	Vật lý (Hoà) 4	Toán (Nhưng) 4	Toán (Nhưng) 4 (Ôn tập)
	Chiều					
VH62B5 P.104	Sáng	HĐTN (Quý) 1 Ngữ văn (Hằng) 3	CĐ GDKT và PL (Tài) 2 Toán (Quý) 2	Ngữ văn (Hằng) 4 (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 4 (Ôn tập)	Lịch sử (Dự) 4 Toán (Quý)
	Chiều					
VH63B1	Sáng	CĐLC Địa lý (Thủy) 4		HĐTN (Nhưng) 1 Toán (Nhưng) 3	Ngữ văn (Hằng) 4	CĐLC Lịch sử (Hà) 4
VH63B5 P.A101	Sáng	CĐLC (Ngữ văn (Hương) 4		Lịch sử (Dự) 2 CĐLC Lịch sử (Dự) 2		
VH63B6 P.302	Sáng	HĐTN (Hoà) 1 CĐLC Địa lý (Nhài) 3	Toán (Quý) 2 Hoá học (Vân) 2	CĐLC Ngữ văn (Hương) 4		
VH63B7 P.301	Sáng	HĐTN (Nga) 1 Vật lý (Vân) 3	CĐLC Lịch sử (Dự) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	CĐLC Ngữ văn (H.Hà) 2 GDKT và PL (Nga) 2		
VH63B8 P.204	Sáng	HĐTN (K.Nhưng) 1 CĐLC Lịch sử (Dự) 3	Lịch sử (Dự) 2 Vật lý (Hoà) 2		Địa lý (Nhài) 4	
VH63B3 P.203	Chiều	Ngữ văn (Hương) 4	GDKT và PL (Quyên) 2 Lịch sử (Dự) 2	CĐLC Địa lý (Chung) 4		



VH63B4 P.205	Chiều	HDTN (Dự) CDLC Lịch sử (Dự)	1 3	Địa lý (Chung) 	4	GDKT và PL (Quyên) Ngữ văn (H.Hà)	2 2		
VH64B1	Chiều	HDTN (Hằng) Ngữ văn (Hằng)	1 3	Toán (Hương) 	4	Vật lý (Vân) 	4		Địa lý (Thủy) 4
VH64B2 P.101	Chiều	HDTN (P.Nga) GDKT và PL (Nga)	1 3	Sinh học (Hồng) CDLC GDKT và PL (Tài)	2 2			Sinh học (Hồng) Hoá học (Vân)	2 2
VH64B3 P.A202	Chiều	HDTN (Vân) GDKT và PL (Quyên)	1 3	Ngữ văn (Tâm) 	4	Địa lý (Thủy) 	4		
VH64B4 P.A101	Chiều	HDTN (Nga) Địa lý (Nga)	1 3	CDLC GDKT và PL (Tài) Vật lý (Vân)	2 2	Lịch sử (Giang) 	4	Lịch sử (Giang)	4 CDLC Ngữ văn (Tâm) 4
VH64B5 P.A301	Chiều	HDTN (Hoà) CDLC Vật lý (Hoà)	1 3	Địa lý (Nga) 	4			Địa lý (Nga) GDKT và PL (Quyên)	2 2 Ngữ văn (Lý) 4
VH64B6 P.103	Chiều	HDTN (H.Hà) Ngữ văn (H.Hà)	1 3	Lịch sử (Giang) CDLC Lịch sử (Giang)	2 2				
VH64B7 P.306	Chiều	CDLC Địa lý (Chung) 	4	HDTN (Linh) Ngữ văn (Hằng)	1 3				
VH64B8 P.102	Chiều	HDTN (Phiên) Hoá học (Vân)	1 3	GDKT và PL (Nga) Sinh học (Hồng)	2 2	Ngữ văn (Lý) 	4	Địa lý (Chung)	4



Hoàng Thị Thoa